

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/HSST
Ngày: 14 tháng 6 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Chi Lan.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Văn Nhẹ.

2/ Ông Nguyễn Văn Trương.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Triều – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2017, tại Trung tâm văn hóa – thể thao xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/TL-HSST ngày 11 tháng 4 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Hữu Vĩnh D**, sinh năm 1985; Nơi sinh: tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch Việt Nam; Số chứng minh nhân dân: 311798486; Dân tộc: Kinh.

- Cư trú: số 283 đường N, khu phố B, phường H, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Nghề nghiệp: Nguyên làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12.

- Con ông Trần Hữu T, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960.

- Vợ, con: Không.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 19 tháng 01 năm 2017. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Thị H, sinh năm 1960; (vắng mặt)

Địa chỉ: số 283 đường N, khu phố B, phường H, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2/ Lê Huỳnh Tuấn H, sinh năm 1970; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 206/7 đường N, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người làm chứng:

1/ Võ Xuân T, sinh năm 1985; (vắng mặt)

Thường trú: Khu phố B, Phường B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2/ Võ Thanh T, sinh năm 1982; (vắng mặt)

Thường trú: Khu phố B, Phường H, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án cụ thể như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 18 tháng 01 năm 2017, Trần Hữu Vĩnh D sử dụng xe mô tô hai bánh mang biển kiểm soát 63B9-666.10 đến thành phố M gặp một người tên Bé không rõ lai lịch, khoảng 25 tuổi, nhờ mua giùm 1.000.000 đồng ma túy tổng hợp được 03 bịch ni lông gồm 02 bịch nhỏ, 01 bịch lớn. Sau đó cùng người tên Bé vào khách sạn ở thành phố M sử dụng ma túy. Đến khoảng 10 giờ sáng ngày 19 tháng 01 năm 2017, Trần Hữu Vĩnh D lấy 02 bịch ma túy bỏ vào túi quần, 01 bịch bỏ vào trong lỗ gắn kính chiếu hậu ở tay cầm xe bên trái, chạy xe ra đến khu phố B, Phường B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang thì bị Công an bắt quả tang.

Tang vật thu giữ bao gồm:

+ 03 bịch ni lông được hàn kín, bên trong có chứa tinh thể trong suốt đã được niêm phong có chữ ký xác nhận của Trần Hữu Vĩnh D và người chứng kiến Võ Xuân T; trong đó có 2 bịch nhỏ và 01 bịch lớn.

+ 01 điện thoại di động hiệu NOKIA 105 màu đen, đã qua sử dụng, còn SIM trong máy;

+ 01 xe mô tô hai bánh mang biển kiểm soát 63B9- 666.10;

+ Tiền Việt Nam: 300.000 đồng.

Theo Kết luận giám định số 09/KLGD-PC54 ngày 21 tháng 01 năm 2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tiền Giang kết luận:

Mẫu tinh thể trong suốt trong 03 (ba) gói nylon màu trắng được hàn kín, để trong 01 bì thư được niêm phong có các chữ ký ghi họ tên: Trần Hữu Vĩnh D (người vi phạm) và Võ Xuân T (người làm chứng); gửi giám định có trọng lượng là 1,6979 gam, có Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, STT 67, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Mẫu tinh thể trong suốt ký hiệu M còn lại sau giám định có trọng lượng 0,7870 gam, được niêm phong trong 01 bì thư ký hiệu số 09.

Tại kết luận giám định số 1700/C54B ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tinh thể trong suốt đựng trong 01 gói giấy được niêm phong gửi giám định có chất ma túy là Methamphetamine, có hàm lượng 74.80%. Trọng lượng Methamphetamine trong 1.6979 gam mẫu tinh thể trong suốt là 1.2700 gam.

Trần Hữu Vĩnh D khai nhận sử dụng ma túy từ năm 2004 đến nay.

Đối với xe mô tô hai bánh mang biển kiểm soát 63B9-666.10 bị cáo mượn của bà Nguyễn Thị H là mẹ ruột sử dụng đi công việc. Xe do ông Lê Huỳnh Tuấn H đứng tên chủ sở hữu, bà Nguyễn Thị H mua xe chưa làm thủ tục sang

tên chủ sở hữu. Bà Nguyễn Thị H hoàn toàn không biết Trần Hữu Vĩnh D sử dụng xe đi mua ma túy, có yêu cầu nhận lại chiếc xe. Ông Lê Huỳnh Tuấn H không có yêu cầu gì.

Điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia, model 105 là Trần Hữu Vĩnh D mượn của bạn gái tên M, không rõ lai lịch, cư trú ở huyện T, tỉnh Tiền Giang. Số tiền 300.000 đồng là của Trần Hữu Vĩnh D dùng để tiêu xài cá nhân, có yêu cầu xin nhận lại số tài sản trên.

Trần Hữu Vĩnh D không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là tình tiết giảm nhẹ theo điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 19/KSĐT-MT ngày 10 tháng 4 năm 2017 của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa và giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị: Tuyên bị cáo phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Áp dụng Điều 33; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ. Áp dụng khoản 5 Điều 194; khoản 2, khoản 3 Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009): phạt bổ sung bị cáo từ 05 triệu đồng đến 10 triệu đồng sung quỹ Nhà nước. Thực hiện 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong vụ số 1700/C54B ngày 23/5/2017 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh (C54B), có chữ ký và họ tên người chứng kiến Nguyễn Phước N, giám định viên Nguyễn Văn T.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị H: 01 xe mô tô hai bánh mang biển kiểm soát 63B9- 666.10;

Tiếp tục tạm giữ: Số tiền 300.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, model 105 màu đen, đã qua sử dụng, còn SIM trong máy để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: không.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Hữu Vĩnh D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội là do bị cáo bị nghiện chất ma túy nên bị cáo nhờ một thanh niên không rõ lý lịch mua ma túy là Methamphetamine cho bị cáo sử dụng có trọng lượng 1.270 gam giá 1.000.000 đồng. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, phù hợp với Kết luận giám định, Kết luận điều tra và Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang đã truy tố (trừ kết quả giám định hàm lượng ma túy trong giai đoạn điều tra, truy tố). Căn cứ vào Công văn số: 276/TANDTC-PC “*V/v hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015*” ngày 13 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao thì xác định có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, cụ thể: “*Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

a)...

c) *Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam*”.

Xét về hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng không tốt đến an ninh trật tự của địa phương, gây bức xúc trong nhân dân. Do đó, cần có một mức án nghiêm khắc dành cho bị cáo mới phát huy được tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội vì đã xâm hại trực tiếp đến an ninh trật tự địa phương và cũng là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội.

Xét nhân thân của bị cáo thì thấy rằng bị cáo không có tiền án, không tiền sự nhưng có nhân thân không tốt cụ thể: Năm 2009 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” chấp hành xong ngày 31 tháng 8 năm 2009; Tại Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thị xã G bắt buộc Trần Hữu Vĩnh D vào cơ sở chữa bệnh vì có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy thời gian 24 tháng; Tại Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân

thị xã G bắt buộc Trần Hữu Vĩnh D vào cơ sở chữa bệnh vì có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy thời gian 24 tháng; Tại Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thị xã G bắt buộc Trần Hữu Vĩnh D vào cơ sở chữa bệnh vì có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy thời gian 24 tháng.

Tuy nhiên trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thấy rằng thái độ khai báo của bị cáo tỏ ra thành khẩn, ăn năn. Từ đó xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và không cần thiết phải xử bị cáo hình phạt bổ sung vì bản thân bị cáo là người nghiện ma túy, không việc làm.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) gói niêm phong vụ số 1700/C54B của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh (C54B), ngày 23 tháng 5 năm 2017, có chữ ký và họ tên người chứng kiến Nguyễn Phước N, giám định viên Nguyễn Văn T.

- Trả lại cho bị cáo Trần Hữu Vĩnh D: 01 (Một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia, model 105 đã qua sử dụng, còn sim trong máy;

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị H: 01 (Một) xe mô tô hai bánh mang biển kiểm soát 63B9-666.10;

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 300.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Không.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Hữu Vĩnh D phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 33, Điều 45, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt: Bị cáo Trần Hữu Vĩnh D 02 (Hai) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 19 tháng 01 năm 2017.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) gói niêm phong vụ số 1700/C54B của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh (C54B), ngày 23 tháng 5 năm

2017, có chữ ký và họ tên người chứng kiến Nguyễn Phước N, giám định viên Nguyễn Văn T.

- Trả lại cho bị cáo Trần Hữu Vĩnh D: 01 (Một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia, model 105 đã qua sử dụng, còn sim trong máy.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị H: 01 (Một) xe mô tô hai bánh mang biển kiểm soát 63B9-666.10, số máy: 52FMH0003865, số khung: H8UM6A003865, tên chủ xe Lê Huỳnh Tuấn H.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án.

Thời hạn tịch thu tiêu hủy, trả lại, tiếp tục tạm giữ tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08 tháng 6 năm 2016 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra thuộc Công an nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang).

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 và Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo Trần Hữu Vĩnh D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo Trần Hữu Vĩnh D được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm bản án theo quy định của pháp luật.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã G;
- THA.HS thị xã G;
- THA.DS thị xã G;
- Bị cáo; NLQ;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ, AV.

VÕ CHI LAN